EBOOK GIÚP BẠN ĐỊNH GIÁ CHÍNH XÁC MỌI CỔ PHIẾU DÙ LÀ NGƯỜI MỚI BẮT ĐẦU

NGHỆ THUẬT ĐỊNH GIÁ

SƯU TẬP VÀ BIÊN SOẠN BỞI

MIDAS TRADE TEAM

Các cách định giá trong thực chiến.

. Có lẽ việc định giá vốn dĩ là việc khá là định tính và cả định lượng, vì chúng ta cũng biết rõ định giá vốn dĩ là vấn đề để xem tài sản đó là Đắt/rẻ. Mà trong khi đó Đắt/rẻ lại là do quan điểm của mỗi người. Tôi lấy ví dụ 1 bức tranh nghệ thuật. Có những người thấy nó đẹp họ có trả cả triệu đô để mua bức tranh đó, còn có những người thì lại nhìn nhận 1 bức tranh chỉ đáng giá đúng với giá nguyên liệu để vẽ lên bức tranh đó khoảng một nghìn đô vậy thôi…

. Với cá nhân Đạt thì Đạt thấy định giá nó có nhiều cách. Trong thực chiến chứng khoán cũng sinh ra nhiều phương pháp định giá khác nhau. Và mỗi người với 1 góc nhìn khác nhau thì giá của họ định giá lại sử dụng phương pháp khác nhau.

. Chung quy lại, dù giá cả như thế nào nó vẫn tuân theo 1 quy luật là Quy Luật Cung – Cầu tại Thời điểm diễn ra giao dịch đó. Đó chính là cái chính xác nhất vì mức giá lúc đó được thiết lập lúc đó. Và người mua họ có lý do nào đó để họ chấp nhận mức giá đó. Ví dụ cho việc này đó là chính là Khẩu Trang , rõ rang điều kiện bình thường thì 1 cái khẩu trang rất rẻ, nhưng khi có dịch bệnh thì khẩu trang đã lên gấp 3 - 5 lần trong 1 thời gian ngắn. Và sự hợp lý đó hoàn toàn là không vô lý như chúng ta tưởng.

. Với những người đi kinh doanh cổ phiếu, chúng ta cũng rất khó để biết được người tiêu dùng xác lập mức giá nào là hợp lý là logic. Nhưng với việc chuẩn bị kiến thức tốt chúng ta cùng trao đổi sâu về vấn đề này theo góc nhìn khác nhau.

. Với việc tham gia thị trường nhiều , tôi biết thị trường (cụ thể tài chính) họ sử dụng 1 số phương pháp để xem xét them cổ phiếu đó là đắt rẻ. Tôi cũng xin liệt kê ra theo phạm vi kiến thức của tôi. Dù rằng kiến thức này cũng có trên mạng cả rồi.

1. **Định giá P/E (Càng thấp càng tốt)**
   Đây có lẽ định giá dễ nhất và cũng thường xuyên sử dụng nhất.
   1.1 Chỉ tiêu P/E được tính toán như thế nào:
   P/E = Giá/ EPS (4 quý)= Vốn hóa/ Lợi nhuận 4 quý.
   (Ảnh 1 -2)



Công ty PNJ tiền thân là Cửa hàng Kinh doanh Vàng bạc Đá quý Quận Phú Nhuận, được thành lập vào ngày 28/04/1988, trực thuộc UBND Quận Phú Nhuận Loại hình công ty: Công ty cổ phần Người đại diện theo pháp luật: Bà Cao Thị Ngọc Dung – Chức danh Chủ tịch HĐQT

Cập nhật lúc 11:32 Thứ 6, 30/10/2020

67.5

0.7 (1%)

Khối lượng **252,810**

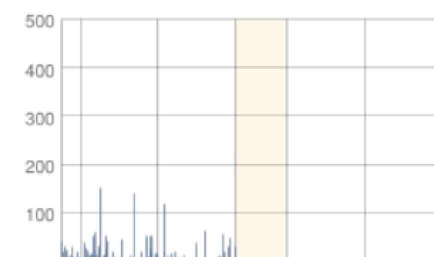
Đang giao dịch

Giá tham chiếu	66.8
Giá trần	71.4
Giá sàn	62.2
Giá mở cửa	67.5
Giá cao nhất	67.8
Giá thấp nhất	66.8
GDNN (KL Mua)	0
GDNN (KL Bán)	0
Room NN còn lại	0.00 (%)

Đơn vị giá: 1000 VNĐ

Xem đồ thị kỹ thuật





Xem khớp lệnh theo từng lô   đv KLg: 1 cp

1 ngày | 1 tuần | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng
1 năm | 3 năm | tất cả

Ngày giao dịch đầu tiên: **23/03/2009**

Giá đóng cửa phiên GD đầu tiên(nghìn đồng): **45.6**

Khối lượng cổ phiếu niêm yết lần đầu: **30,000,000**

Lịch sử trả cổ tức và chia thưởng

(*) **EPS cơ bản** (nghìn đồng):	**4.55**
EPS pha loãng (nghìn đồng):	**4.55**
P/E :	**14.69**
Giá trị sổ sách /cp (nghìn đồng):	**21.78**
(**) Hệ số beta:	**0.29**
KLGD khớp lệnh trung bình 10 phiên:	**1,231,627**
KLCP đang niêm yết:	**225,293,585**
KLCP đang lưu hành:	**225,124,026**
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng):	**15,038.28**

(*) Số liệu EPS tính tới Quý III năm 2020 | Xem cách tính
(**) Hệ số beta tính với dữ liệu 100 phiên | Xem cách tính

Tra cứu dữ liệu lịch sử | **Tra cứu GD cổ đông lớn & cổ đông nội bộ** | **Báo lỗi dữ liệu**

Ảnh 1: Tổng quan PNJ trên cafef.

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | **KẾT QUẢ KINH DOANH** | LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

ROBOCHUNGKHOAN.VN	Thay đổi (YoY)	Q3/2020 01/07-30/09 CKT-HN	Q2/2020 01/04-30/06 CKT-HN	Q1/2020 01/01-31/03 CKT-HN	Q4/2019 01/10-31/12 CKT-HN
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-0.1%	3,962,201	2,769,529	5,047,369	5,374,047
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.5%	39,827	24,727	46,479	52,705
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấ...	-0.3%	3,922,374	2,744,802	5,000,890	5,321,342
- Tăng trưởng (%YoY)	-101.2%	-0.3%	-7.3%	4.5%	30.9%
4. Giá vốn hàng bán	0.2%	3,188,044	2,271,305	3,951,334	4,298,771
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp ...	-2.5%	734,330	473,497	1,049,556	1,022,571
- Biên lợi nhuận gộp	-2.1%	18.7%	17.3%	21%	19.2%
6.Doanh thu hoạt động tài chính	209%	747	-3,213	3,999	688
7. Chi phí tài chính	38.5%	42,998	41,806	45,546	41,214
Trong đó :Chi phí lãi vay	40.3%	40,680	44,252	40,379	41,002
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên ...	0%	-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	-6.5%	318,786	289,340	368,002	367,633
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	-0.6%	113,040	96,342	128,077	133,607
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-2.8%	260,252	42,796	511,930	480,806
12. Thu nhập khác	164.7%	1,866	615	433	1,471
13. Chi phí khác	1,461.6%	6,022	720	662	935
14. Lợi nhuận khác	-1,401.9%	-4,157	-105	-230	535
Phần lợi nhuận/lỗ từ công ty liên kết liên do...	0%	-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-4.5%	256,096	42,691	511,701	481,341
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-9.4%	54,364	10,960	104,160	99,570
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0%	-354	70	-722	-3,031
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh ngh...	-2.8%	202,086	31,660	408,262	384,803
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0%	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công t...	-2.8%	202,086	31,660	408,262	384,803
- Tăng trưởng (%YoY)	-116.4%	-2.8%	-81.3%	-4.8%	44.8%
- Biên lợi nhuận ròng	-1.9%	5.2%	1.2%	8.2%	7.2%
- EPS 4QGN (VNĐ)	-5.3%	4,561	4,587	5,197	5,288
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) (VNĐ)	-4%	897	141	1,812	1,708
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	0%	-	-	-	-

Ảnh 2: Lợi nhuận 4 quý liên tiếp của PNJ trong 4 quý liên tiếp

. Chúng ta xem ảnh 1 thì trên cafef đã tính chỉ số P/E cho chúng ta của PNJ là 14.69 lần.
Cụ thể cách tính là :

- Cách 1:

+ Chúng ta lấy vốn hóa của PNJ là 15.038.000.000.000 đồng (Ảnh 1), trong đó lợi nhuận 4 quý liên tiếp của PNJ là 202.086 + 31.660 + 408.262 + 384.803 = 1.026.091 triệu đồng (hay 1.026.091.000.000 đồng). Để đơn giản sau tôi sẽ rút gọn số 0 lại qua đơn vị tính.

⇨ P/E = 15.038.000.000.000/1.026.091.000.000 = 14.6 (Như ảnh 1 Cafef đã tính cho chúng ta).

- Cách 2:

+ Chúng ta lấy lợi nhuận của PNJ 4 quý (vừa tính ở trên) là 1.026.091 triệu đồng. Trong khi ảnh số 1 chúng ta KLCP niêm yết ở trên của PNJ là 225.293.585 cổ phiếu.

+ Chúng ta lấy

Lợi nhuận 4 quý/ KLCP niêm yết = EPS = 1.026.091.000.000/225.293.585 =4.554 đồng/cổ phiếu.

+ Sau đó giá cổ phiếu trên sàn của PNJ đang là 67.500 đồng.

Chúng ta có P/E = Thị giá/ EPS = 67.500/4.554 = 14.8

. Như vậy chúng ta đã biết cách tính chỉ số P/E .

1.2. Hàm ý của chỉ số P/E

. Ta đã tính số lợi nhuận 4 quý (1 năm) của PNJ ở trên chia cho số cổ phiếu niêm yết . Hàm ý của EPS đó là 1 cổ phiếu chúng ta mua trên sàn thì cổ phiếu đó tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận.

Và khi ta bắt đầu mua cổ phiếu với thị giá P thì ta hàm ý rằng đó là với mức giá PNJ là 67.500 như hiện tại trên sàn thì ta sẽ phải mất tới 14.6 năm nữa tới mới hòa vốn với PNJ. (Dĩ nhiên với giả định PNJ sẽ duy trì lợi nhuận 4 quý như hiện tại liên tục)

. Như vậy có thể ta sử dụng chỉ tiêu P/E là 1 thước đo về khả năng hoàn vốn của công ty và chấp nhận mức lãi suất trung bình khoảng là 70/14.6= 4.7%/năm (Ngang với lãi suất ngân hang) để có thể hoàn vốn. Hay là 100%/ (P/E)= 6.8%/năm lãi đơn

(Hiểu về lãi kép là gì. Đó là lãi mẹ đẻ lãi con. Mỗi năm ta ko rút vốn ta lại để khoản lãi đó ở lại thì ta sẽ có 72/X% = số năm hoàn vốn. Định nghĩa về lãi kép và cách tính ta đọc trên google).

1.3 Các mốc so sánh của P/E của 1 công ty

. Như vậy chúng ta đã hiểu P/E số năm hoàn vốn của 1 công ty rồi. Nhưng như thế nào gọi là đắt/rẻ thì chúng ta cần có 1 vài sự so sánh P/E đó với các thứ khác. Giống như khi chúng ta mua 1 cái điện thoại muốn biết đắt hay rẻ chúng ta thường mang đi so sánh là dễ dàng nhận ra nhất.

1.3.1. Lãi suất ngân hàng (hoặc lãi suất ở 1 khoản đầu tư có lãi suất cố định nào đó)

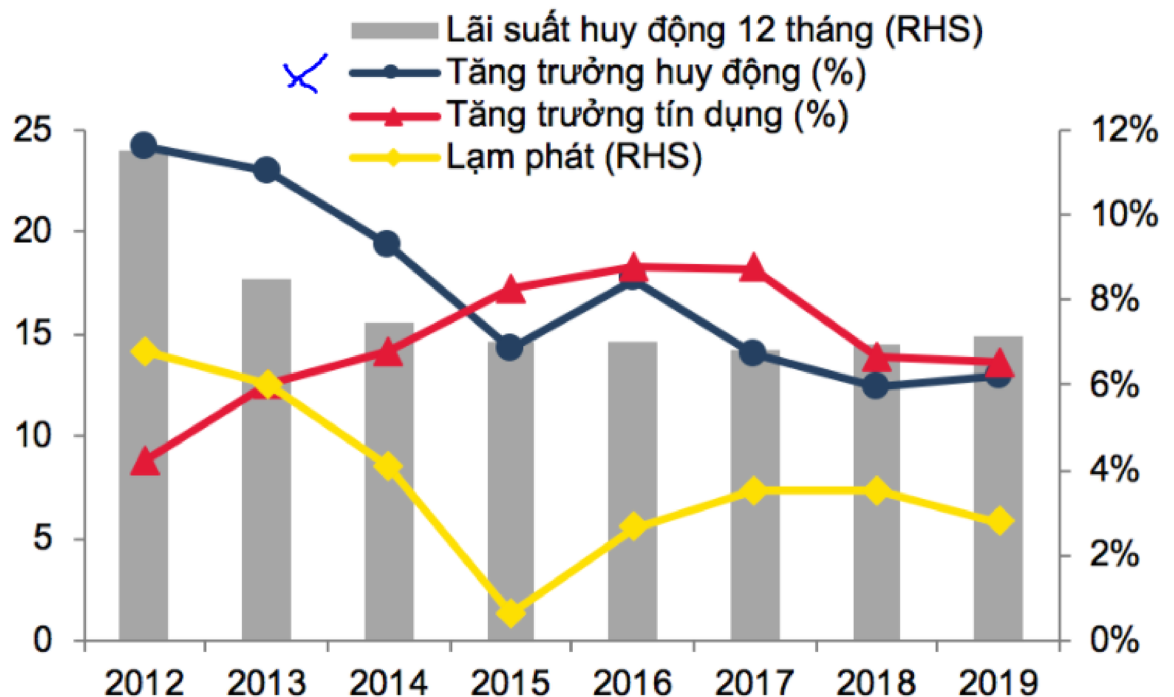
. Chúng ta có thể so sánh P/E đó với lãi suất ngân hàng là cái đầu tiên chúng ta so sánh. Ví dụ lãi suất ngân hàng đang là 5,8%/năm theo biểu lãi suất của VCB. Thì nếu áp dụng quy tắc lãi kép của chúng ta thì ta sẽ mất 70/5.8%= 12 Năm hoàn vốn. Nếu lấy lãi đơn ta sẽ mất là 17 năm hoàn vốn.

. Lưu ý: Trong bài viết này tôi sẽ ưu tiên sử dụng lãi kép hơn.

. Vậy ta có thể so sánh PNJ với Lãi suất ngân hàng thì PNJ đang mắc hơn lãi suất ngân hàng khi cần 14.6 năm hoàn vốn trong khi lãi suất ngân hàng là 12 năm hoàn vốn.

. Như vậy chúng ta cũng có thể hiểu được lý do tại sao mà khi lãi suất ngân hàng có tín hiệu tang lên thì giá cổ phiếu và thị trường chứng khoán thường có xu hướng bị giảm là vì thế. Và ngược lại.

. Nếu như giai đoạn 2012 đến 2018 chúng ta sẽ thấy giai đoạn chứng khoán cả thị trường chung đi ngược chiều với xu hướng lãi suất ngân hàng đi xuống rất rõ rệt.



Nguồn: Bloomberg, SBV, SSI tổng hợp

Ảnh 3: Xu hướng lãi suất ngân hàng từ năm 2012 đến 2019 hầu như là giảm

.



Ảnh 4 xu hướng của Vnindex từ 2012 đến 2018.

+ Mốc so sánh với các công ty cùng ngành.

- Đây là mốc so sánh mà chúng ta cần phải thuộc hết các công ty trên sàn, cũng như lĩnh vực nó hoạt động. Nếu chúng ta hiểu về các công ty trên sàn đó với công ty ta đem đi so sánh mới có sự so sánh chính xác được.
- Nên để làm được việc này đầu tiên chúng ta phải trau dồi kiến thức về các công ty. Hoặc tham khảo bảng (Ngành Nghề) Excel mà Đạt đã gửi cho các anh chị để có thể lấy các công ty chúng ta ra so sánh.
- Thường các công ty cùng ngành thì cổ phiếu có thanh khoản cao hơn thì P/E sẽ cao hơn.
- Cổ phiếu có chỉ tiêu tài chính lành mạnh hơn thì P/E sẽ cao hơn.
- Ví dụ so sánh cùng ngành dệt may có MSH và TNG cùng ngành dệt may. Ta thấy MSH có PE là 4.75 lần, trong khi TNG có PE là 3.97 lần. (Ảnh 5-6). Ta sẽ lấy 1 vài chỉ tiêu ra so sánh giữa MSH và TNG để hiểu tại sao MSH thị trường sẵn sàng trả giá cao hơn TNG.
-



TNG trong 10 năm tới sẽ bán 100% sản phẩm bằng chính thương hiệu của mình là TNG, trước hết là bán sản phẩm tại thị trường Việt Nam, tiếp là thị trường ASEAN và châu Á, sau đó là thị trường EU và Mỹ. Với lòng quyết tâm và sự nỗ lực không ngừng của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể cán bộ - nhân viên, TNG sẽ tiếp tục thay đổi và hoàn thiện với thông điệp của Chủ tịch hội đồng quản trị: "Khách hàng là người trả lương cho chúng ta"

Cập nhật lúc 15:15 Thứ 6, 30/10/2020

11.6

0.2 (1.8%)

Khối lượng **393,744**

Đóng cửa

Giá tham chiếu	11.4
Giá trần	12.5
Giá sàn	10.3
Giá mở cửa	11.4
Giá cao nhất	11.7
Giá thấp nhất	11.4
GD ròng NĐTNN	-1,072
Room NN còn lại	42.27 (%)

Đơn vị giá: 1000 VNĐ

Xem đồ thị kỹ thuật



Đồ thị vẽ theo giá điều chỉnh   đv KLg: 10,000cp

1 ngày | 1 tuần | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng
1 năm | 3 năm | tất cả

(*) **EPS cơ bản** (nghìn đồng):	3.15
EPS pha loãng (nghìn đồng):	2.92
P/E :	3.97
Giá trị sổ sách /cp (nghìn đồng):	15.24
(**) **Hệ số beta:**	1.85
KLGD khớp lệnh trung bình 10 phiên:	738,525
KLCP đang niêm yết:	70,427,260
KLCP đang lưu hành:	73,996,005
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng):	858.35

(*) Số liệu EPS tính tới Quý II năm 2020 | Xem cách tính
(**) Hệ số beta tính với dữ liệu 100 phiên | Xem cách tính

Ngày giao dịch đầu tiên: **22/11/2007**
Giá đóng cửa phiên GD đầu tiên(nghìn đồng): **67.0**
Khối lượng cổ phiếu niêm yết lần đầu: **5,430,000**

Lịch sử trả cổ tức và chia thưởng

 **Tra cứu dữ liệu lịch sử**  **Tra cứu GD cổ đông lớn & cổ đông nội bộ**  **Báo lỗi dữ liệu**

-



Công ty CP May Sông Hồng là một trong những nhà máy sản xuất hàng may mặc và chăn ga gối đệm lớn hàng đầu Việt Nam. Với hơn 20 xưởng sản xuất được xây dựng và quản lý tập trung trong phạm vi tỉnh Nam Định, có lợi thế về vị trí địa lý gần sân bay, cảng biển, nguồn nhân lực được đào tạo có chất lượng với chi phí cạnh tranh, bộ máy quản lý là người Việt Nam, kết hợp thêm việc tuyển dụng các chuyên viên quốc tế đầu ngành, công ty đã và đang trở thành đối tác tin cậy của rất nhiều thương hiệu thời trang nổi tiếng trên toàn thế giới.

Cập nhật lúc 15:15 Thứ 6, 30/10/2020

33.65

0.65 (2%)

Khối lượng **20,720**

Đóng cửa

Giá tham chiếu	33
Giá trần	35.3
Giá sàn	30.7
Giá mở cửa	33
Giá cao nhất	33.85
Giá thấp nhất	33
GD ròng NĐTNN	6,200
Room NN còn lại	43.71 (%)

Đơn vị giá: 1000 VNĐ

Xem đồ thị kỹ thuật



Đồ thị vẽ theo giá điều chỉnh   đv KLg: 10,000cp

1 ngày | 1 tuần | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng
1 năm | 3 năm | tất cả

(*) **EPS cơ bản** (nghìn đồng):	7.09
EPS pha loãng (nghìn đồng):	7.09
P/E :	4.75
Giá trị sổ sách /cp (nghìn đồng):	25.14
(**) Hệ số beta:	n/a
KLGD khớp lệnh trung bình 10 phiên:	61,999
KLCP đang niêm yết:	50,009,400
KLCP đang lưu hành:	50,009,400
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng):	1,682.82

(*) Số liệu EPS tính tới Quý II năm 2020 | Xem cách tính
(**) Hệ số beta tính với dữ liệu 100 phiên | Xem cách tính

Ngày giao dịch đầu tiên: **28/11/2018**
Giá đóng cửa phiên GD đầu tiên(nghìn đồng): **54.0**
Khối lượng cổ phiếu niêm yết lần đầu: **47,628,000**
Lịch sử trả cổ tức và chia thưởng

 **Tra cứu dữ liệu lịch sử**  **Tra cứu GD cổ đông lớn & cổ đông nội bộ**  **Báo lỗi dữ liệu**

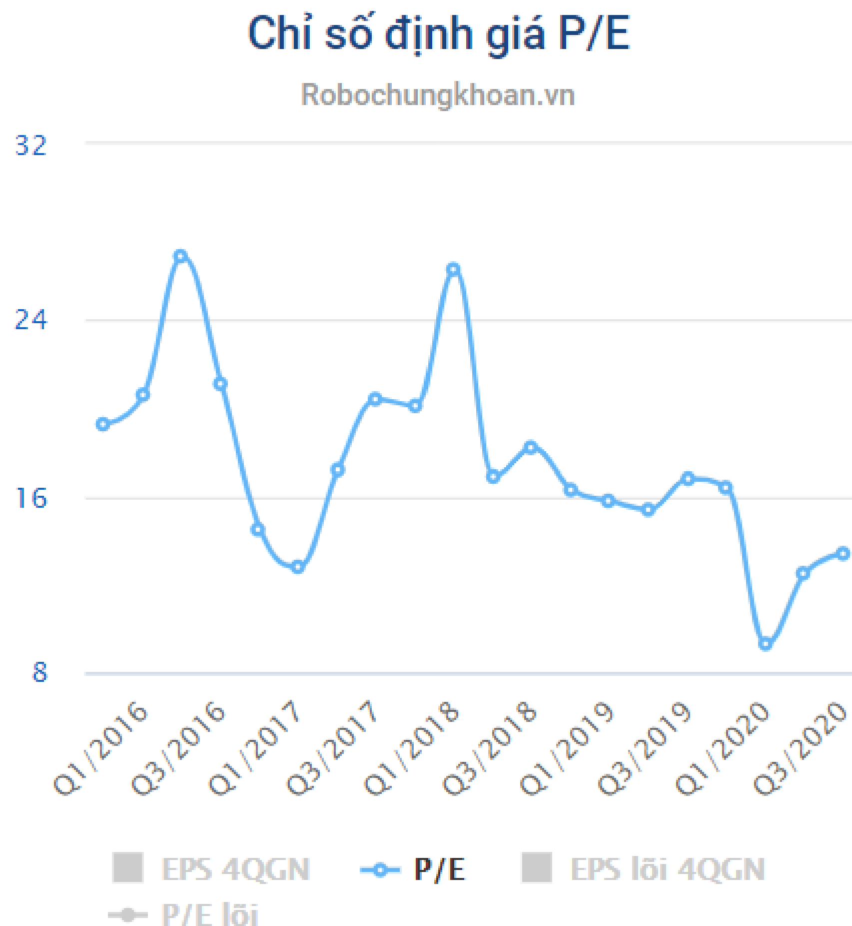
-	- MSH –(Quý 3/2020)	- TNG
- P/E	- 4.75	- 3.97
- Thanh khoản	- 61.000 cổ/10 phiên	- 738.000 cổ/10 phiên
- Tốc độ tang trưởng (Lợi nhuận theo quý)	- -68%	- -19%
- ROE =Loi nhuan/Von chu so huu	- 27%	- 17%
- Nợ vay	- 24%	- 52%
- Cổ tức	- 45%/10.000đồng	- 4%/10.000 đồng

- (Chúng ta có thể tính ROE bằng cách lấy Lợi nhuận 4 quý/ Vốn chủ sở hữu, đây là chỉ tiêu 1 đồng vốn của công ty 1 năm tạo ra bao nhiêu % Lợi nhuận, hàm ý nói về sự hiểu quả của công ty đó, Với 1 công ty mà ROE >7% tức là công ty đó hiệu quả hơn lãi suất ngân hàng, nhưng thường khi chúng ta bỏ vốn ra ngoài thì tôi hy vọng ROE >15% là ít nhất)
- Trường hợp của MSH TNG ta sẽ thấy MSH có PE cao hơn, cổ tức cao hơn, ROE (hiệu quả), cao hơn và Nợ vay an toàn hơn TNG. Tuy nhiên lại thua TNG về tốc độ tang trưởng, thanh khoản.

- Nhìn chung để so sánh 2 công ty như nhau y xì là rất khó , vì mỗi công ty có 1 chiến lược phát triển khác nhau cũng như con đường khác nhau. Nên cái này chỉ là tham khảo và mang tính chất tương đối. Dù sao chúng ta có thể coi nó là 1 cái để ta hiểu rằng thị trường đang nghĩ gì.

ÁP DỤNG TRONG THỰC CHIẾN. (PHƯƠNG PHÁP SO SÁNH)
NHƯỢC ĐIỂM CỰC KỲ RỦI RO TRONG GIAI ĐOẠN CÓ BONG BÓNG
+ Mốc so sánh với chính nó trong quá khứ.

- Chúng ta có thể coi PE để so sánh với chính nó trong quá khứ để có thể biết nó là đắt hay rẻ.



Ảnh : chỉ tiêu PE của PNJ trong vòng 5 năm gần nhất.

. Chúng ta thấy PE của PNJ trong quá khứ 5 năm trở lại đây là thấp nhất là 2020 dính covid là khoảng 9 lần và cao nhất quý 1/2028 là 26.3, hiện tại PNJ đang là 14 lần thì ở giữa trung tính.

. Chính vì cổ phiếu cũng là 1 vậy thể sống có lên có xuống có tang có giảm do điều kiện vĩ mô khác nhau, do điều kiện phát triển và sự kiện xung quanh công ty đó cũng thay đổi mỗi năm khác nhau. Nên việc so sánh quá khứ cũng chỉ là 1 vấn đề tham khảo không nhất thiết là vấn đề chính gốc của cổ phiếu.

. Chúng ta có thể so sánh PNJ thời kỳ vàng kim 2018 và thời kỳ 2020 này tại sao lại cao nhất và thấp nhất trong bảng sau:

PNJ	2018	Quy 3/2020
P/E	27	14
Thanh khoản	500.000 cổ	1.000.000 cổ
Lãi suất (12 tháng VCB)	6.8%	5.8%
Tốc độ tang trưởng	30%	-30%
ROE	25%	18%
Nợ vay	23%	30%
GDP	6.8%	2.5%
Vnindex	1.200 điểm	900 điểm

- Ta thấy rằng chỉ tiêu của 2020 có tốc độ tang trưởng kém hơn, ROE kém hơn, nợ vay cao hơn, điều đó khiến PE thấp hơn. Mặc dù lãi suất thì 2020 thấp hơn 2018 nhưng thị trường định giá 2018 cao hơn nhiều so với 2020. Ngoài ra chúng ta còn so sánh thị trường chung lúc 2018 cũng đạt mốc đỉnh là 1200 điểm so với bây giờ là 900 điểm.

2. Định giá theo PEG (Càng thấp càng tốt)

- Như chúng ta đã biết PE là 1 chỉ tiêu động nó không đứng im vì công ty trong quá trình phát triển có tang trưởng và phát triển khác nhau. Thường 1 công ty già nua khó định giá tốt như 1 công ty đang trưởng thành. Nó cũng như khi chúng ta mới đi làm mức lương từ 5 triệu lên 10 triệu thường tang dễ và tốt hơn khi chúng ta đã trưởng thành và có mức thu nhập tốc độ tang trưởng không lên gấp đôi được như thế.

- Chính vì vậy trong quá trình phát triển định giá để ước chừng tương lai, các nhà đầu tư them 1 chỉ tieu đi kèm vơi PE là PEG. Đây là dạng định giá mà các nhà đầu tư theo đà tang trưởng rất thích dung.

PEG = (P/E) / (G = tốc độ tang trưởng).

Chúng ta đã biết P/E của PNJ là 14,6 lần như đã tính toán ở trên. Năm nay PNJ tang trưởng tại quý 3 là -3%. Như vậy nếu như PNJ tang trưởng như vậy trong năm sau thì PE là 14.6*1.03=15 lần. PNJ trở lên đắt đỏ hơn. Nếu năm sau PNJ mà tang trưởng 20% thì PEG của PNJ là 14.6/1.2=12.1 Khá là thấp hơn so với năm nay. Như vậy PNJ có động lực tang giá tốt hơn.

2. Định giá theo PB

. Đây là chỉ tiêu hay được áp dụng với công ty phá sản, công ty mà thanh lý bán cả công ty đi, công ty có tài sản ngầm, công ty bất động sản….

Đầu tiên chúng ta cần hiểu chỉ tiêu Book value : (Ảnh book value) .

Book value = vốn chủ sở hữu/số lượng cổ phiếu.



Cập nhật lúc 15:15 Thứ 6, 30/10/2020

10.85

0.1 (0.9%)

Khối lượng **2,715,390**

Đóng cửa

Giá tham chiếu	10.75
Giá trần	11.5
Giá sàn	10
Giá mở cửa	11
Giá cao nhất	11
Giá thấp nhất	10.65
GD ròng NĐTNN	-208,790
Room NN còn lại	39.52 (%)

Đơn vị giá: 1000 VNĐ

Xem đồ thị kỹ thuật



Đồ thị vẽ theo giá điều chỉnh đv KLg: 10,000cp

1 ngày | 1 tuần | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng
1 năm | 3 năm | tất cả

(*) **EPS cơ bản** (nghìn đồng):	0.60
EPS pha loãng (nghìn đồng):	0.60
P/E :	18.06
Giá trị sổ sách /cp (nghìn đồng):	32.74
(**) **Hệ số beta:**	1.46
KLGD khớp lệnh trung bình 10 phiên:	4,212,620
KLCP đang niêm yết:	421,544,970
KLCP đang lưu hành:	421,129,789
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng):	4,569.26

(*) Số liệu EPS tính tới Quý II năm 2020 | Xem cách tính
(**) Hệ số beta tính với dữ liệu 100 phiên | Xem cách tính

Ngày giao dịch đầu tiên: **05/12/2006**
Giá đóng cửa phiên GD đầu tiên(nghìn đồng): **130.0**
Khối lượng cổ phiếu niêm yết lần đầu: **68,000,000**
Lịch sử trả cổ tức và chia thưởng

. Đây là cách định giá PVD chúng ta có thể nhìn thấy Giá trị số sách/cổ phiếu của PVD là 32.74, trong khi Giá của PVD chỉ có là 10.850 đồng thấp hơn 1/3 lần giá trị sổ sách. Tức là nếu PVD phá sản bán hết công ty đi ta vẫn lời được 20 đồng. Như vậy khi nào PVD có tin bán vốn cho tây hoặc bán tài sản giải thể công ty thì ta có lợi.

. Tượng tự như CTD cũng vậy. (Ảnh 10)



Trong những năm qua Coteccons luôn được đánh giá là một trong những Đơn vị xây dựng hàng đầu tại Việt Nam với hàng loạt các dự án lớn trong cả nước với vai trò tổng thầu, thiết kế và thi công,.. "Thương hiệu Coteccons giờ đây đã trở thành bảo chứng chất lượng cho những công trình mang đẳng cấp quốc tế". Xây dựng hình ảnh chính mình dựa trên giá trị thực từ các Công trình Khách hàng là phương châm hoạt động của Coteccons.

Cập nhật lúc 15:15 Thứ 6, 30/10/2020

56.4

-0.1 (-0.2%)

Khối lượng **624,810**

Đóng cửa

Giá tham chiếu	56.5
Giá trần	60.4
Giá sàn	52.6
Giá mở cửa	57.4
Giá cao nhất	57.4
Giá thấp nhất	56.2
GD ròng NĐTNN	-198,900
Room NN còn lại	2.51 (%)

Đơn vị giá: 1000 VNĐ

Xem đồ thị kỹ thuật



Đồ thị vẽ theo giá điều chỉnh   đv KLg: 10,000cp

1 ngày | 1 tuần | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng
1 năm | 3 năm | tất cả

(*) **EPS cơ bản** (nghìn đồng):	8.75
EPS pha loãng (nghìn đồng):	8.75
P/E :	6.45
Giá trị sổ sách /cp (nghìn đồng):	109.05
(**) Hệ số beta:	0.00
KLGD khớp lệnh trung bình 10 phiên:	849,695
KLCP đang niêm yết:	79,255,000
KLCP đang lưu hành:	77,184,323
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng):	4,353.20

(*) Số liệu EPS tính tới Quý II năm 2020 | Xem cách tính
(**) Hệ số beta tính với dữ liệu 100 phiên | Xem cách tính

Ngày giao dịch đầu tiên: **20/01/2010**
Giá đóng cửa phiên GD đầu tiên(nghìn đồng): **114.0**
Khối lượng cổ phiếu niêm yết lần đầu: **18,450,000**
Lịch sử trả cổ tức và chia thưởng

. Ở 1 số trường hợp chúng ta phải định giá PB linh hoạt theo thị trường vì đôi khi thị trường không phải là người mua cả công ty nên khó định giá Giá cổ phiếu = giá trị sổ sách được. Nên đôi khi ta có các mốc so sánh để so sánh PB.

+ Đầu tiên là với 1 công ty mà có ROE => 15% thì PB =1 là hợp lý, ROE <15% thì PB=1 là hơi mắc

+ Với 1 công ty bình thường thì mốc PB<0,5 là rẻ, từ khoảng 0,5-1 là trung bình đôi khi >1 là đắt,

ROE cua cong ty bds no ko the nao lien tuc duoc

. P/B tương lai. Chúng ta có chỉ tiêu PEG thì chúng ta cũng có chỉ tiêu PB tương lai

. Ví dụ 1 công ty có giá trị sổ sách là 32.740 đồng như PVD (tương ứng vốn chủ sở hữu là 14.030 nghìn tỷ). Năm nay làm ăn có lãi tạo ra lợi nhuận 1 năm (4 quý) là 6.000 tỷ thì ta sẽ có vốn chủ sở hữu tang lên là 14.000+6.000=20.000 nghìn tỷ. Chia cho số lượng cổ phiếu là 421.544.970 => Book value mới sẽ là 20.000.000.000.000/421.544.970=47.440 nghìn đồng /cổ phiếu

Ta sẽ thấy rằng P/B lúc này là 10.850/47.440= 0.22 lần. Rất rất rẻ. Như vậy PVD có xu hướng tang giá tốt hơn hoặc ít nhất là giảm giá ít đi.

. Lúc này ta có thể thấy ROE của PVD sẽ là 6000 tỷ lợi nhuận/ 14.000 tỷ vốn chủ sở hữu = 42%. Như vậy dư địa tang giá của PVD sẽ là từ P/B từ 0.22 lần lên 1 lần. Upside rất lớn

Lưu ý: Điều thần kỳ trong định giá PB của cổ phiếu đất. chúng ta cũng biết rằng có những cổ phiếu đất xưa công ty sử dụng vốn chủ sở hữu mua nhưng sau đó giá đất tang lên hằng năm. Nên giá trị sổ sách của công ty không bộc lộ giá trị tài sản đất tang lên đó. Đất là 1 tài sản rất đặc biệt, nó có thể tang giá lên nhiều lần qua thời gian. Chính vì vậy đôi khi công ty bé như hạt tiêu được mua giá đất giá rẻ do quan hệ từ đó Book value của công ty cũng sẽ bị thay đổi.
Chúng ta phải đi đến tận nơi đất công ty đang sở hữu là gì định giá lại giá trị mảnh đất đó lại. Sau đó chúng ta tính lại book value thì mới chính xác được. Đây chính là tiềm ẩn tài sản ngầm dạng số 2 mà ta đã học.

3. Định giá theo cổ tức/thị giá.
   . Lưu ý là cổ tức phải có duy trì nhiều năm liền, đánh giá tiếp ngành nghề công ty có ổn định không. DSN 2011 đã tang trưởng như vậy với việc trả cổ tức đều 40%/năm trong khi thị giá là 20.000 đồng. Khi lãi suất thời điểm đó là 20% DSN chưa tang. Nhưng các năm sau 2012 đổ xuống lãi suất giảm DSN lại trở lên hấp dẫn hơn và từ đó tang giá liên tục

4. Định giá theo đồ thị và thị trường chung.
   . Đây là kiểu định giá logic và thực chiến nhất. Kết hợp 3 kiểu định giá trên để ta có thể có mức định giá ổn trong thực chiến. Tôi lấy ví dụ, 1 công ty mà tích lũy nền giá cổ phiếu lâu năm thì thường đó là mức giá hợp lý của công ty đó. Chúng ta cùng nhìn vào D2D.

D2D - Đô thị C.nghiệp 2



. Chúng ta nhìn thấy D2D đã đi ngang trong 1.5 năm với mức giá dao động quanh 32+-15%. Đó là vùng định giá mà thị trường định giá hợp lý cho công ty. Thường 1 nền giá thường kéo dài càng lâu càng tốt nhưng tôi nghĩ ít nhất là 3 tháng (lý do vì thường 3-6 tháng thị trường chung thường điều chỉnh mạnh 1 lần, mà công ty vẫn giữ nguyên được nền giá đó, tức là công ty đang được thị trường định giá khá "Chắc chắn" ở vùng giá đó).

. Chính vì vậy khi 1 công ty đang được định giá tốt ở khu vực đó trong thời gian dài (tôi gọi trong phân tích kỹ thuật là nền giá tích lũy dài) thì chỉ cần 1 biến số lợi nhuận tang trưởng tốt, sẽ khiến cho Cầu cổ phiếu vào tốt hơn và từ đó là giá tang. Chúng ta có thể nhìn thấy điều này ở D2D khi mà ra kết quả kinh doanh tốt giai đoạn tang giá mạnh. (Ảnh 11)

ROBOCHUNGKHOAN.VN	Thay đổi (YoY)	Q4/2019 01/10-31/12 CKT-ĐL	Q3/2019 01/07-30/09 CKT-ĐL	Q2/2019 01/04-30/06 CKT-ĐL	Q1/2019 01/01-31/03 CKT-ĐL	Q4/2018 01/10-31/12 CKT-ĐL	Q3/2018 01/07-30/09 CKT-ĐL	Q2/2018 01/04-30/06 CKT-ĐL	Q1/2018 01/01-31/03 CKT-ĐL	Q4/2017 01/10-31/12 CKT-ĐL	Q3/2017 01/07-30/09 CKT-ĐL
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	216.1%	362,943	275,186	61,050	61,386	114,802	39,164	55,870	72,687	118,134	45,640
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0%	-	-	56	-	-	-	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấ...	216.1%	362,943	275,186	60,994	61,386	114,802	39,164	55,870	72,687	118,134	45,640
- Tăng trưởng (%YoY)	*7,817.9%*	*216.1%*	*602.7%*	*9.2%*	*-15.5%*	*-2.8%*	*-14.2%*	*-1.1%*	*243.3%*	*-37.1%*	*-27.3%*
4. Giá vốn hàng bán	131.4%	121,578	97,351	21,102	21,863	52,541	29,669	68,908	42,963	72,916	36,997
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp ...	287.7%	241,365	177,835	39,892	39,523	62,261	9,494	-13,038	29,723	45,218	8,643
- Biên lợi nhuận gộp	*22.7%*	*66.5%*	*64.6%*	*65.4%*	*64.4%*	*54.2%*	*24.2%*	*-23.3%*	*40.9%*	*38.3%*	*18.9%*
6.Doanh thu hoạt động tài chính	178.3%	27,007	26,967	29,361	19,839	9,703	5,966	36,164	5,150	6,413	6,730
7. Chi phí tài chính	357.5%	253	-207	-30	-125	-98	-	-6,024	-1,129	-1,140	-104
Trong đó :Chi phí lãi vay	0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên ...	0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	522.1%	75,852	11,367	14,268	10,461	12,192	7,586	6,666	6,466	11,655	7,889
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	221.1%	192,268	193,641	55,015	49,026	59,870	7,875	22,484	29,536	41,116	7,587
12. Thu nhập khác	47.1%	107	204	182	-	73	-	456	-	316	94
13. Chi phí khác	-100%	-	21	-	-	327	7	40	1,584	306	-
14. Lợi nhuận khác	142.2%	107	183	182	-	-254	-7	416	-1,584	10	94
Phần lợi nhuận/lỗ từ công ty liên kết liên do...	0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	222.7%	192,375	193,824	55,197	49,026	59,616	7,868	22,900	27,952	41,127	7,682
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	222.7%	38,470	38,755	11,007	9,858	11,920	1,535	4,570	5,950	8,182	1,352
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	140
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh ngh...	222.7%	153,905	155,069	44,190	39,168	47,696	6,334	18,330	22,002	32,945	6,189
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công t...	222.7%	153,905	155,069	44,190	39,168	47,696	6,334	18,330	22,002	32,945	6,189
- Tăng trưởng (%YoY)	*397.1%*	*222.7%*	*2,348.3%*	*141.1%*	*78%*	*44.8%*	*2.3%*	*127.8%*	*-20.7%*	*82.7%*	*-16.8%*
- Biên lợi nhuận ròng	*2.2%*	*42.4%*	*56.4%*	*72.5%*	*63.8%*	*41.5%*	*16.2%*	*32.8%*	*30.3%*	*27.9%*	*13.6%*
- EPS 4QGN (VNĐ)	*107.9%*	*18,411*	*13,427*	*12,894*	*10,467*	*8,856*	*7,472*	*7,458*	*6,493*	*7,032*	*5,632*

. Ngoài ra chúng ta cần lưu ý là đôi khi những lúc thị trường chung điều chỉnh càng mạnh, thì vùng giá đó của công ty thường là vùng giá đáy hay là vùng giá an toàn để chúng ta tham gia. Vì lúc đó đã rũ bỏ tương đối Cung cổ phiếu rồi.

. Đây là phương pháp tôi thấy khá thực chiến gọi là phương pháp "Tôn trọng thị trường" chúng ta sẽ thực chiến cùng với thị trường về mặt định giá của cổ phiếu. Kết hợp với 4 phương pháp định giá trên để ta có thể tổng hòa lên phương án định giá Tương đối hợp lý của chúng ta với công ty chúng ta chọn

.

5. Định giá theo kỳ vọng lãi/lỗ

. Đây là 1 phương pháp khá hay mà tôi nghĩ rằng nó cũng áp dụng khá tốt trong đầu tư cổ phiếu.

. Lấy ví dụ như D2D ở trên khi cổ phiếu đ ingang vùng 32 rất lâu trong 1,5 năm. Chúng ta thấy rằng quý 4/2018 D2D tang trưởng lợi nhuận là 44.8%. Nếu như D2D mà giữ nguyên mức tăng trưởng đó trong 3 quý tiếp theo thì tính ra 1 năm D2D đã tăng trưởng là 44.8% về giá thì mới là hợp lý. Tuy nhiên chúng ta đã biết đôi khi cổ phiếu còn chạy trước cả tin lợi nhuận thông qua. Điều đó khiến giá cổ phiếu đã bật tăng lên so với cái nền giá của D2D luôn tại những ngày đầu tiên kết quả kinh doanh quý 4/2018 được công bố. Cụ thể thời điểm ngày 25/1/2019 (giai đoạn D2D công bố báo cáo tài chính quý 4/2018). Giá D2D đã tăng 5% so với nền giá chặt chẽ ở trên.

D2D - Đô thị C.nghiệp 2



. Nếu như chúng ta dự đoán được chính xác nguyên nhân tăng trưởng của D2D ở các 3 quý sau là tương tự quý 4/2018 thì D2D 1 năm sẽ có kỳ vọng tăng giá cổ phiếu là 44.8%. Tuy rằng giá đã tăng 5% (tức là giá đã phản ánh 5% kỳ vọng của cả năm theo chúng ta dự đoán).

. Tôi sẽ dự đoán được % lãi kỳ vọng của tôi sẽ là 44.8%-5% = 43.5%.

. Khi tôi kiểm soát phần % lỗ của tôi là 5-7% thì cutloss.

. Tôi sẽ có công thức đặt cược của tôi là

+ (%lãi kỳ vọng - % tăng giá cổ phiếu) / % lỗ = (44.8%-5%) / 7% = 6 lần.

. Với 1 deal đặt cược thua 1 được 6. Đó cũng là 1 cách định giá để chúng ta đánh giá cổ phiếu có thể còn là rẻ hay đắt.

0 Như vậy có 6 phương pháp định giá mà Đạt sử dụng trong thực chiến thường xuyên, nó đơn giản, nhưng lại rất hiệu quả. Mọi người có thể tham khảo. Và áp dụng các phương pháp đó liên tục với nhau để đưa ra được kết quả định giá tương đối hợp lý và an toàn nhất cho mọi người. Mọi thắc mắc mong rằng sẽ được trao đổi sâu với mọi người trong thời gian tiếp theo.